

Số: 1654/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết
xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000
khu dân cư liên phường 3 - 4 - 5, quận Phú Nhuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5761/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Phú Nhuận;

Căn cứ Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường 3 - 4 - 5, quận Phú Nhuận;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 902/TTr-SQHKT ngày 26 tháng 3 năm 2013 về trình duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường 3 - 4 - 5, quận Phú Nhuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường 3 - 4 - 5, quận Phú Nhuận, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực quy hoạch:

- Vị trí khu vực quy hoạch: thuộc phường 3, phường 4 và phường 5, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau:

+ Đông Bắc giáp : quận Gò Vấp và quận Bình Thạnh.

+ Đông Nam giáp : phường 9 qua đường Nguyễn Kiệm.

+ Tây giáp : phường 1 - 2 - 7 qua đường Phan Đăng Lưu.

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 76,89 ha.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới.

2. Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch phân khu: Ban Quản lý Đầu tư xây dựng Công trình quận Phú Nhuận.

3. Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch phân khu: Công ty TNHH Quy hoạch - Kiến trúc S.P.A.

4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch phân khu:

- Thuyết minh tổng hợp;

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000.

+ Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

+ Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2000, bao gồm:

* Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông.

* Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải, xử lý chất thải rắn.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc.

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2000.

+ Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2000.

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 902/TTr-SQHKT ngày 26 tháng 3 năm 2013 về trình duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường 3 - 4 - 5, quận Phú Nhuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường 3 - 4 - 5, quận Phú Nhuận, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực quy hoạch:

- Vị trí khu vực quy hoạch: thuộc phường 3, phường 4 và phường 5, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau:

+ Đông Bắc giáp : quận Gò Vấp và quận Bình Thạnh.

+ Đông Nam giáp : phường 9 qua đường Nguyễn Kiệm.

+ Tây giáp : phường 1 - 2 - 7 qua đường Phan Đăng Lưu.

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 76,89 ha.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới.

2. Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch phân khu: Ban Quản lý Đầu tư xây dựng Công trình quận Phú Nhuận.

3. Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch phân khu: Công ty TNHH Quy hoạch - Kiến trúc S.P.A.

4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch phân khu:

- Thuyết minh tổng hợp;

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000.

+ Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

+ Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2000, bao gồm:

* Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông.

* Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải, xử lý chất thải rắn.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc.

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2000.

+ Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ quy hoạch giao thông, Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

+ Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/2000, bao gồm:

* Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt.

* Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng.

* Bản đồ quy hoạch cấp nước.

* Bản đồ thoát nước thải và xử lý chất thải rắn.

* Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.

+ Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.

5. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

5.1. Dự báo quy mô dân số trong khu vực quy hoạch: 42.000 người.

5.2. Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu	m ² /người	18,31
B	Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở trung bình toàn khu	m ² /người	17,21
C	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong các đơn vị ở		
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu	m ² /người	12,88
	- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới.	m ² /người	0,62
	- Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	m ² /người	0,71
	Trong đó:		
	+ Đất công trình giáo dục.	m ² /người	0,613
	+ Đất hành chính cấp phường.	m ² /người	0,059
	+ Đất trạm y tế.	m ² /người	0,007
	+ Đất thương mại dịch vụ kết hợp ở (hỗn hợp).	m ² /người	0,031
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² /người	0,05
	- Đất đường giao thông	m ² /người km/km ²	2,95 9,14
D	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị		
	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	180
	Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	180
	Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	2.500
	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải	kg/người/ngày	1 - 1,2

E	Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị toàn khu			
	Dân số dự kiến		người	42.000
	Mật độ xây dựng chung		%	50
	Hệ số sử dụng đất		lần	3,4
	Tầng cao xây dựng	Tối đa	tầng	18
		Tối thiểu	tầng	2

6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

6.1. Các khu chức năng trong khu vực quy hoạch: toàn khu vực quy hoạch được phân chia làm 3 đơn vị ở và các khu chức năng cấp đô thị nằm ngoài đơn vị ở, được xác định như sau:

6.1.1. Các đơn vị ở:

- Đơn vị ở 1 (thuộc phường 3, quận Phú Nhuận) được giới hạn bởi:

- + Phía Đông Bắc : giáp đường Thích Quảng Đức.
- + Phía Đông Nam : giáp đường Phan Đăng Lưu.
- + Phía Tây Nam : giáp đường Nguyễn Kiệm.
- + Phía Bắc : giáp đường Nguyễn Đình Chiểu.

Có tổng diện tích là 18,41 ha, dân số khoảng 11.000 người. Với giải pháp bố cục phân khu chức năng chủ yếu là khu dân cư hiện hữu cải tạo.

- Đơn vị ở 2 (thuộc phường 4, quận Phú Nhuận) được giới hạn bởi:

- + Phía Đông Bắc : giáp quận Gò Vấp.
- + Phía Đông Nam: giáp phường 5.
- + Phía Tây : giáp đường Nguyễn Kiệm.
- + Phía Nam : giáp đường Nguyễn Đình Chiểu.

Có tổng diện tích là 28,2 ha, dân số khoảng 13.000 người. Với giải pháp bố cục phân khu chức năng chủ yếu là khu dân cư hiện hữu cải tạo, đất giáo dục hiện hữu và xây mới.

- Đơn vị ở 3 (thuộc phường 5, quận Phú Nhuận) được giới hạn bởi:

- + Phía Đông - Đông Bắc : giáp quận Bình Thạnh.
- + Phía Nam - Đông Nam : giáp đường Phan Đăng Lưu.
- + Phía Tây Nam : giáp đường Thích Quảng Đức.
- + Phía Tây Bắc: giáp đường sắt Thống Nhất (đường Mai Văn Ngọc).

Có tổng diện tích là 30,28 ha, dân số khoảng 18.000 người. Với giải pháp bố cục phân khu chức năng chủ yếu là khu dân cư hiện hữu cải tạo, dân cư xây dựng mới, và đất giáo dục.

6.1.2. Các khu chức năng thuộc các đơn vị ở (có đan xen các khu chức năng ngoài đơn vị ở) bao gồm:

a) Các khu chức năng thuộc các đơn vị ở (tổng diện tích các đơn vị ở: 72,26 ha chiếm 93,97 % diện tích đất toàn đồ án):

a.1. Các khu chức năng xây dựng nhà ở (nhóm nhà ở): tổng diện tích 56,69 ha chiếm 73,72 % diện tích đất toàn đồ án. Trong đó:

- Khu ở (nhóm nhà ở) trong khu vực hiện hữu thực hiện quy hoạch cải tạo chỉnh trang: tổng diện tích 54,08 ha; nâng cấp chỉnh trang các khu nhà ở hiện hữu có kết hợp cải tạo mở rộng các tuyến đường song song với việc nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Các khu ở (nhóm nhà ở) xây dựng mới: tổng diện tích 2,61 ha; được chuyển đổi từ các khu đất trống, cải tạo các khu nhà lụp xụp.

a.2. Khu chức năng dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở: tổng diện tích 2,99 ha, bao gồm:

- Khu chức năng giáo dục: tổng diện tích 2,58 ha.

+ Trường mầm non: 0,41 ha; gồm:

* Hiện hữu cải tạo: 0,33 ha (mầm non Sơn Ca 3 - 2 cơ sở: 0,06 ha; mầm non Sơn Ca phường 4: 0,11 ha; mầm non Sơn Ca + Hương Sen, phường 5: 0,24 ha).

+ Trường tiểu học: 0,93 ha; gồm:

* Hiện hữu cải tạo: 0,93 ha (trường tiểu học Sông Lô: 0,14 ha; trường Cổ Loa: 0,28 ha; trường Cao Bá Quát: 0,51 ha).

+ Trường trung học cơ sở: 1,24 ha; gồm:

* Hiện hữu cải tạo : 0,37 ha (trường Độc Lập).

* Xây dựng mới : 0,87 ha.

- Khu chức năng trung tâm hành chính cấp phường: tổng diện tích 0,25 ha.

* Hiện hữu cải tạo: 0,25 ha (Công an phường 3 + Ủy ban nhân dân phường 3; Công an phường 4 + Ủy ban nhân dân phường 4: 0,08 ha; Công an phường 5 + Ủy ban nhân dân phường 5).

- Khu chức năng y tế (trạm y tế): diện tích 0,03 ha.

* Hiện hữu cải tạo: 0,03 ha (Trạm y tế phường 3: 0,01 ha; Trạm y tế phường 4: 0,01 ha; Trạm y tế phường 5: 0,01 ha).

- Khu hỗn hợp (thương mại dịch vụ kết hợp ở): tổng diện tích 0,13 ha.

* Xây dựng mới : 0,13 ha.

a.3. Khu chức năng cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi): tổng diện tích 0,2 ha.

a.4. Mạng lưới đường giao thông cấp phân khu vực: tổng diện tích 12,38 ha.

b) Các khu chức năng ngoài đơn vị ở nằm đan xen trong đơn vị ở, tổng diện tích 4,63 ha:

b.1. Khu chức năng dịch vụ đô thị (cấp đô thị): tổng diện tích 2,69 ha.

- Khu Trường Cao đẳng Hải Quan, Trường Cao đẳng Bách Việt diện tích 1,39 ha.

- Khu chức năng y tế: diện tích 0,08 ha (Trung tâm y tế dự phòng).

- Khu chức năng hành chính, ngoại giao: diện tích 0,3 ha (Nhà truyền thống; Chi cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Ban quản lý lưới điện thành phố; Thị hành án quận Phú Nhuận).

- Khu chức năng dịch vụ - thương mại, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại: diện tích 0,92 ha.

b.2. Đất hạ tầng kỹ thuật: diện tích 0,33 ha.

b.3. Đất tôn giáo: diện tích 1,61 ha.

- Hiện hữu cải tạo: 1,53 ha, gồm:

+ Miếu : 0,003 ha.

+ Chùa Kỳ Viên : 0,02 ha.

+ Giáo hội Cơ đốc Phục Lâm: 0,067 ha.

+ Thánh thất Cao Đài : 0,03 ha.

+ Chùa Pháp Hoa : 0,23 ha.

+ Thiền Viện Vạn Hạnh : 0,58 ha.

+ Đình Phú Đông Tự : 0,04 ha.

+ Chùa Pháp Hội : 0,07 ha.

+ Chùa Thiên Long : 0,04 ha.

+ Chùa Quán Thế Âm : 0,1 ha.

+ Tu viện Thánh Mẫu : 0,1 ha.

+ Thánh thất Từ Vân : 0,23 ha.

+ Chùa Lộc Uyển : 0,01 ha.

+ Chùa Phước Lâm : 0,01 ha.

- Xây dựng mới: 0,08 ha.

6.2. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất các đơn vị ở	72,26	100
1	Đất các nhóm nhà ở	56,69	78,45
	- Đất các nhóm nhà ở hiện hữucải tạo chỉnh trang	54,08	
	- Đất các nhóm nhà ở dự kiến xây dựng mới	2,61	

2	Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	2,99	4,14
	- Đất giáo dục	2,58	
	- Đất Trung tâm hành chính cấp phường	0,25	
	- Đất y tế (trạm y tế)	0,03	
	- Đất Thương mại dịch vụ kết hợp ở	0,13	
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi - không kể đất cây xanh sử dụng công cộng trong nhóm ở và trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	0,20	0,28
4	Đất đường giao thông cấp phân khu vực	12,38	17,13
B	Đất ngoài đơn vị ở (bao gồm đất nằm đan xen trong đơn vị ở và nằm bên ngoài đơn vị ở, nếu có)	4,63	
	- Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đô thị	2,69	
	+ Đất trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	1,39	
	+ Đất phòng khám đa khoa, Bệnh viện, Nhà hộ sinh, Viện trường y tế	0,08	
	+ Đất hành chính, ngoại giao	0,30	
	+ Đất dịch vụ - thương mại, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	0,92	
	- Đất công trình tôn giáo	1,61	
	- Đất hạ tầng kỹ thuật	0,33	
Tổng cộng		76,89	

6.3. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị trong các đơn vị ở:

Đơn vị ở	Cơ cấu sử dụng đất			Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị				
	Loại đất	Thuộc ký hiệu khu đất hoặc ô phố	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất (m^2 /người)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao (tầng)		Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
						Tối thiểu	Tối đa	
Đơn vị ở 1 (diện tích: 18,41 ha; dự báo quy mô dân số: 11.000 người)	1. Đất đơn vị ở		17,788	16,19				
	1.1. Đất nhóm nhà ở		14,74	13,40				
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu	A14, A15	14,74		70	2	8	4
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị		0,25	0,23				
	- Đất giáo dục		0,20		60	1	4	1,5
	+ Trường mầm non		0,06		60	1	2	1,2

Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo	thuộc						
Mẫu giáo Sơn Ca 3	A14,	0,02					
(2 cơ sở)	A15	0,04					
- Trường tiểu học		0,14		40	2	4	1,5
Trong đó :							
* Hiện hữu cải tạo	thuộc						
Tiểu học Sông Lô	A14	0,14					
- Đất hành chính (cấp							
phường)		0,03					
Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo	thuộc						
Công an phường 3	A14	0,01					
Ủy ban nhân dân P.3	A14	0,02					
- Đất y tế (trạm y tế)		0,01					
Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo	thuộc						
Trạm y tế phường 3	A14	0,01					
1.3. Đất cây xanh sử dụng							
công cộng		0,04	0,04				
Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo							
Khu vui chơi		0,04					
1.4. Đất giao thông		2,768	2,52				
- Đất đường giao thông							
cấp phân khu vực		2,768					
2. Đất ngoài đơn vị ở		0,622					
2.1. Đất công trình dịch vụ							
đô thị		0,53					
- Đất hành chính		0,12					
Trong đó:							
+ Hiện hữu cải tạo Nhà	thuộc						
truyền thống	A14	0,08					
Chi cục bảo vệ nguồn	A15	0,04					
lợi Thủy sản							
- Đất thương mại dịch vụ		0,41					
Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo	thuộc	0,36					
Công ty vàng bạc đá quý	A14	0,16					
Phú Nhuận							
Ngân hàng Đông Á	A15	0,06					
Công ty XL Nông nghiệp	A15	0,08					
Công ty Cổ phần Phát triển	A14	0,06					
nhà thành phố							
* Xây dựng mới	D7	0,05					

	2.2. Đất tôn giáo:		0,09					
	Trong đó:							
	* Hiện hữu cải tạo	thuộc						
	Miếu	A14	0,003					
	Chùa Kỳ Viên	A14	0,02					
	Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm	A14	0,067					
	2.3 Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật đô thị		0,002					
	- Đất trạm biến điện		0,002					
	Trong đó:							
	* Hiện hữu cải tạo		0,002					
Đơn vị ở 2 (diện tích: 28,20 ha; dự báo quy mô dân số: 13.000 người)	1. Đất đơn vị ở		25,27	19,44				
	1.1. Đất nhóm nhà ở		17,76	13,66				
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu	A1, A2, A8, A9, A10, A11, A12, A13	17,63		75	2	8	4
	- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	B3	0,13		55	2	16	6,5
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị		1,35	1,04				
	- Đất giáo dục		1,26		60	1	5	3
	+ Trường mầm non		0,11		60	1	2	1,2
	Trong đó:							
	* Hiện hữu cải tạo (Mẫu giáo Sơn Ca)	thuộc A1	0,11					
	+ Trường tiểu học.		0,28		40	2	4	1,5
	Trong đó:							
	* Hiện hữu cải tạo (Tiểu học Cổ Loa)	thuộc A10	0,28					
	+ Trường trung học cơ sở		0,87		40	2	5	3
	Trong đó:							
	* Xây dựng mới	C1	0,87		40	2	5	3
	- Đất hành chính		0,08					
	Trong đó:							
	* Hiện hữu cải tạo Công an phường 4	thuộc A1	0,01					
	Ủy ban nhân dân P.4	A1	0,07					

- Đất y tế (trạm y tế)		0,01					
Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo y tế phường 4		0,01					
1.3. Cây xanh sử dụng công cộng		0,05	0,04				
1.4. Đất giao thông		6,11	4,70				
- Đất đường giao thông cấp phân khu vực.		6,11					
2. Đất ngoài đơn vị ở		2,93					
2.1. Đất công trình dịch vụ đô thị		2,07					
- Đất hành chính		0,17					
Trong đó :							
* Hiện hữu cải tạo Ban quản lý lưới điện thành phố		0,17					
- Đất thương mại dịch vụ		0,51		45	2	10	5
Trong đó:							
+ Hiện hữu cải tạo Công ty thiết bị trường học	thuộc D1	0,21		45	2	10	5
Chợ Nguyễn Đình Chiểu	A11	0,30					
- Đất trường cao đẳng		1,39					
Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo Cao Đẳng Hải Quan	thuộc D1	1,31					
Cao Đẳng Bách Việt	A1	0,08					
2.2. Đất tôn giáo:		0,84					
Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo Thánh Thất Cao Đài	thuộc A12	0,03					
Chùa Pháp Hoa	A1	0,23					
Thiền Viện Vạn Hạnh	A1	0,58					
2.3 Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật đô thị.		0,02					
- Đất trạm cấp nước		0,02					
Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo Đài nước		0,02					

Đơn vị ở 3 (diện tích: 30,28 ha; dự báo quy mô dân số: 18.000 người)	1. Đất đơn vị ở		29,202	16,23				
	1.1. Đất nhóm nhà ở		24,19	13,44				
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu	A3, A4, A5, A6, A7, A16, A17, A18, A19	21,71		75	2	8	4
	- Đất ở xây dựng mới:		2,48		55	2	18	8
	Tòa nhà Botanic	A	0,5		40	2	18	7,5
		B1	0,58		50	2	18	8
		B2	1,26		50	2	18	8
		D3	0,14		55	2	12	6
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị		1,40	0,78				
	- Đất giáo dục		1,12		60	1	4	2,1
	* Trường mầm non		0,24		60	1	2	1,2
	Trong đó:							
	* Hiện hữu cải tạo	thuộc						
	Mẫu giáo Sơn Ca	A17	0,13					
	Mẫu giáo Hương Sen	A17	0,11					
	- Trường tiểu học		0,51		40	2	4	1,5
	Trong đó:							
	+ Hiện hữu cải tạo (Tiểu học Cao Bá Quát)	thuộc A17	0,51					
	- Trường trung học cơ sở.		0,37		40	2	4	2,1
	Trong đó:							
	+ Hiện hữu cải tạo (Trung học cơ sở Độc Lập)	thuộc A7	0,37					
	- Đất hành chính		0,14					
	Trong đó:							
	* Hiện hữu cải tạo							
	Công an phường 5		0,03					
	Ủy ban nhân dân P.5		0,11					
	- Đất thương mại dịch vụ kết hợp ở (hỗn hợp)		0,13					
	Trong đó:							
	* Xây dựng mới	D5,D6	0,13					

- Đất y tế (trạm y tế)		0,01					
Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo Trạm Y tế Phường 5		0,01					
1.3. Đất cây xanh - thể dục thể thao		0,11	0,06				
Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo CLB bơi lội Chi Lăng		0,11					
1.4. Đất giao thông		3,502	1,95				
- Đất đường giao thông cấp phân khu vực.		3,502					
2. Đất ngoài đơn vị ở		1,078					
2.1. Đất công trình dịch vụ đô thị		0,09					
- Đất y tế		0,08					
Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo Trung tâm y tế dự phòng		0,08					
- Đất hành chính							
Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo Thị hành án quận Phú Nhuận		0,01					
2.2 Đất tôn giáo:		0,68					
Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo		0,60					
Đình Phú Đông Tự	A17	0,04					
Chùa Pháp Hội	A17	0,07					
Chùa Thiên Long	A7	0,04					
Chùa Quan Thế Âm	A7	0,1					
Tu viện Thánh Mẫu	A7	0,1					
Thánh Thất Từ Vân	A7	0,23					
Chùa Lộc Uyển	A6	0,01					
Chùa Phước Lâm	A4	0,01					
* Xây dựng mới	D4	0,08		60	2	6	4
2.3 Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật đô thị		0,308					
- Đất trạm điện		0,308					
Trong đó:							
* Hiện hữu cải tạo Trạm biến thế Hòa Xa		0,308					

7. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

- Do đây là khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang, nên bố cục không gian chủ yếu là theo tuyến và khu vực cao tầng ở phường 5.

- Cụm chung cư cao tầng ở khu vực phường 5 (đường Nguyễn Thượng Hiền và đường Nguyễn Đình Chiểu nối dài) sẽ là những công trình tạo điểm nhấn trong toàn khu vực.

- Phát triển các công trình thương mại dịch vụ cao tầng trên trục đường Phan Đăng Lưu và đường Nguyễn Kiệm tại các khu đất rộng, làm điểm nhấn trên toàn trục.

- Các quy định về quản lý kiến trúc:

+ Đối với các khu vực hiện hữu ổn định được áp dụng các quy định về quản lý kiến trúc đô thị (như Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về Ban hành Quy định về kiến trúc nhà liên kế trong khu đô thị hiện hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về kiến trúc nhà liên kế trong khu đô thị hiện hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh).

+ Đối với các khu vực phát triển xây dựng mới: gồm các khu phức hợp thương mại dịch vụ kết hợp ở, khu dân cư xây dựng mới, khu thương mại dịch vụ áp dụng theo quy định quản lý của các dự án.

+ Đối với dự án chung cư cao tầng xây dựng mới, tầng trệt có khoảng lùi so với lộ giới tối thiểu 6m, phải tổ chức đường phòng cháy chữa cháy để xe cứu hỏa có thể đến được từng đơn nguyên.

+ Đối với các công trình công cộng xây dựng mới, tầng trệt có khoảng lùi so với lộ giới tối thiểu là 3m và có đường phòng cháy chữa cháy bao quanh công trình.

+ Các công trình thương mại dịch vụ trên trục Phan Đăng Lưu và đường Nguyễn Kiệm phải có khoảng lùi thích hợp và bố trí các bãi đậu xe hợp lý, tránh gây ùn tắc giao thông trong khu vực.

+ Tầng cao công trình phải tuân thủ theo Nghị định về quản lý độ cao hiện hành.

+ Đối với các công trình đặc biệt, khi có sự cần thiết phải thay đổi một hoặc một số trong các nội dung về tính chất, chức năng, quy mô, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, nhưng không làm thay đổi các định hướng phát triển lớn về kinh tế xã hội, bố cục không gian kiến trúc và đảm bảo đáp ứng yêu cầu của hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính, thì được điều chỉnh cục bộ trong quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 và phê duyệt theo quy định.

8. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

8.1 Quy hoạch giao thông đô thị:

- Về quy hoạch mạng lưới giao thông phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Phú Nhuận và Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế.

- Về giao thông đối nội:

STT	Tên đường	Ký hiệu mặt cắt	Lộ giới (mét)	Mặt cắt	Chiều dài (mét)	Diện tích lòng đường (m ²)	Diện tích chiếm đất (m ²)
1	Nguyễn Kiệm	1 - 1	40	8,5 - 23 - 8,5	1.475	16.963	29.500
2	Phan Đăng Lưu	2 - 2	30	6 - 18 - 6	1.075	9.675	16.125
3	Đường Mai Văn Ngọc (dự phóng dọc theo đường sắt Thống Nhất)	3 - 3	31,1	4 - 8 - 7, 1 - 8 - 4	730	12.048	22.590
4	Thích Quảng Đức	4 - 4	20	4,75 - 10,5 - 4,75	871	9.145,5	17.420
5	Phan Xích Long	4 - 4	20	4,75 - 10,5 - 4,75	382	4.004	7.460
6	Nguyễn Đình Chiểu (Đoạn từ đường Nguyễn Kiệm đến Thích Quảng Đức)	4 - 4	20	4,75 - 10,5 - 4,75	497	5.219	9.940
	Nguyễn Đình Chiểu (Đoạn từ đường Thích Quảng Đức đến Nguyễn Thượng Hiền)	7 - 7	14	3-8-3	250	2.000	3.500
7	Nguyễn Văn Đậu	5 - 5	20	4 - 12 - 4	210	2.520	4.200
8	Nguyễn Thượng Hiền	7 - 7	14	3 - 8 - 3	760	3.040	5.320
9	Lam Sơn	6 - 6	16	4 - 8 - 4	228	912	1.824
10	Hoàng Hoa Thám	8 - 8	12	2,5 - 7 - 2,5	260	910	1.560
11	Lê Tự Tài	8 - 8	12	2,5 - 7 - 2,5	363	2.541	4.356
	Tổng cộng				7.029	68.977,5	123.795

* Lưu ý:

- Việc thể hiện tọa độ mốc thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố quy hoạch và cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa nhằm phục vụ công tác quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt, Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu này.

- Lộ giới tuyến dự phóng dọc theo đường sắt Thống Nhất (đường Mai Văn Ngọc) là 31,3m (thay vì 30m theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận Phú Nhuận được phê duyệt). Sau khi có thiết kế cụ thể của tuyến đường sắt Thống Nhất, Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận sẽ tiến hành cập nhật và quản lý theo phương án thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

8.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị:

a) Quy hoạch cao độ nền:

- Khu quy hoạch có địa hình tương đối cao, $H \geq 4,0m$ (hệ cao độ VN 2000).
- Hầu hết diện tích khu quy hoạch có nền đất tương đối cao, độ dốc thoải, đã hình thành khu dân cư dày đặc nên chỉ san ủi cục bộ khi xây dựng công trình.
- Hướng đổ dốc chính về phía đường Phan Đăng Lưu.

b) Quy hoạch quy hoạch thoát nước mặt:

- Giữ lại các tuyến cống hiện hữu còn thoát nước hiệu quả trong khu vực.
- Khu quy hoạch nằm trong lưu vực thuộc dự án thoát nước Nhiều Lộc - Thị Nghè, do đó đã cập nhật các tuyến cống thoát nước thuộc dự án đã được duyệt.
- Đã bổ sung một số tuyến cống mới để đảm bảo thoát nước hiệu quả cho khu vực và phù hợp với đồ án quy hoạch chung.
- Hướng thoát nước chính về phía Đông Nam ra rạch Nhiều Lộc, Thị Nghè.
- Nối cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu 0,70m, độ dốc cống đảm bảo khả năng tự chảy $i \geq 1/D$.

8.3. Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng đô thị:

- Chỉ tiêu cấp điện: 2.500 KWh/người/năm.
- Nguồn điện được cấp từ trạm 110/15-22KV Hòa Xa.
- Cải tạo các trạm biến áp 15/0,4KV hiện hữu, tháo dỡ các trạm ngoài trời, có công suất thấp, vị trí không phù hợp với quy hoạch.
- Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4KV, sử dụng máy biến áp 3 pha, dung lượng $\geq 400KVA$, loại trạm phòng, trạm cột.
- Cải tạo mạng trung thế hiện hữu, giai đoạn đầu nâng cấp lên 22KV, dài hạn sẽ được thay thế bằng cáp ngầm.
- Xây dựng mới mạng trung và hạ thế cấp điện cho khu quy hoạch, sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện dây phù hợp, chôn ngầm trong đất.
- Hệ thống chiếu sáng dùng đèn cao áp sodium 150 - 250W-220V, có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.

8.4. Quy hoạch cấp nước đô thị:

- Nguồn cấp nước: Nguồn nước máy thành phố, từ tuyến Ø750 trên đường Phan Đăng Lưu, Ø800 trên đường Nguyễn Kiệm, Ø200 đường Nguyễn Thượng Hiền và Thích Quảng Đức.
- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.
- Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy: 25 lít/s/đám cháy, số đám cháy đồng thời: 2 đám cháy (theo TCVN 2622-1995).

- Tổng nhu cầu dùng nước: 15.225 - 18.270 m³/ngày.
- Mạng lưới cấp nước: Sử dụng mạng lưới cấp nước hiện hữu, bổ sung các tuyến ống cấp nước mới, tạo thành mạng vòng và các nhánh cụt.

8.5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

8.5.1. Thoát nước thải:

- Giải pháp thoát nước bản:
 - + Giai đoạn đầu: Khu quy hoạch nằm trong lưu vực thoát nước Nhiều Lộc - Thị Nghè, sử dụng hệ thống cống chung để thoát nước mưa và nước thải. Nước thải được tách ra khỏi cống chung bằng giếng tách dòng, thoát vào cống bao Ø3000 dọc kênh Nhiều Lộc - Thị Nghè về trạm bơm nước thải tại đường Nguyễn Hữu Cánh phường 22 quận Bình Thạnh.
 - + Giai đoạn dài hạn: nước thải được đưa về nhà máy xử lý nước thải Nhiều Lộc - Thị Nghè đặt tại quận 2.
- Tiêu chuẩn thoát nước sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.
- Tổng lượng nước thải: 11.340 - 14.742 m³/ngày.
- Mạng lưới thoát nước gồm:
 - + Hệ thống cống chung trong khu quy hoạch chủ yếu là hệ thống cống hiện hữu và một số tuyến cống thay thế và bổ sung.
 - + Hệ thống cống bao thoát nước thải bao gồm giếng tách dòng, hệ thống cống thu gom và cống bao và trạm bơm nước thải thuộc Dự án vệ sinh môi trường lưu vực Nhiều Lộc - Thị Nghè. Trạm bơm nước thải đặt cạnh đường Nguyễn Hữu Cánh và rạch Thị Nghè.

8.5.2. Xử lý chất thải rắn:

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 1,2 kg/người/ngày.
- Tổng lượng rác thải sinh hoạt: 54 tấn/ngày.
- Phương án thu gom và xử lý rác: Rác thải được thu gom mỗi ngày và đưa đến trạm ép rác kín của quận. Sau đó vận chuyển đưa về các Khu Liên hiệp xử lý chất thải tập trung của thành phố theo quy hoạch.

8.6. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc:

- Nhu cầu điện thoại cố định: 30 máy/100 dân.
- Định hướng đầu nối từ bưu cục hiện hữu (trạm điện thoại Phú Nhuận) xây dựng các tuyến cáp chính đi dọc các trục đường giao thông đến các tủ cáp chính của khu quy hoạch.
- Mạng lưới Thông tin liên lạc được ngầm hóa đảm bảo mỹ quan khu quy hoạch và đáp ứng nhu cầu thông tin thông suốt trong khu quy hoạch.
- Hệ thống các tủ cáp xây dựng mới được lắp đặt tại các vị trí thuận tiện, đảm bảo mỹ quan và dễ dàng trong công tác vận hành, sửa chữa.

9. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường:
 - + Bảo vệ chất lượng nước mặt trên địa bàn quận và khu vực xung quanh, đảm bảo chất lượng nước mặt đạt QCVN 08:2008/BTNMT.

+ Bảo vệ môi trường không khí, cụ thể: Hàm lượng các chất độc hại trong không khí ở đô thị, khu dân cư đạt QCVN 05:2009/BTNMT.

+ Gìn giữ các giá trị văn hóa nằm trên địa bàn khu quy hoạch.

+ Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn, cụ thể: tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn là 100 %.

+ Tăng diện tích đất cây xanh và đáp ứng tiện nghi môi trường, cụ thể tăng 30% so năm 2010.

+ Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch là 100 %.

- Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị:

+ Chuyển đổi mục đích sử dụng đất của các xí nghiệp - kho bãi nằm rải rác trên địa bàn khu quy hoạch sang các đất công trình công cộng.

+ Quy hoạch gìn giữ các công trình tôn giáo của phường với tổng diện tích đất tôn giáo khoảng 1,82 ha.

+ Giải quyết vấn đề đảo nhiệt đô thị bằng giải pháp phát triển cây xanh: đề xuất áp dụng giải pháp kiến trúc sinh thái, tăng cường việc trồng cây xung quanh các công trình đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật và các trục giao thông chính.

+ Quy hoạch hợp lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là đối với các quy hoạch giao thông, san lấp nền và cấp, thoát nước đều có tính đến việc thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường:

+ Giảm thiểu ô nhiễm không khí: sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng thiên nhiên trong các khu chức năng của khu vực quy hoạch.

+ Giảm thiểu ô nhiễm từ chất thải rắn: thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, vận động tái chế, tái sử dụng, chế biến phân hữu cơ, chôn lấp hợp vệ sinh.

+ Kiểm soát ô nhiễm nước thải: Nước thải các loại phải được xử lý đạt QCVN trước khi thải vào hệ thống kênh rạch song song với việc cải tạo tăng cường việc thoát nước của hệ thống kênh rạch trong khu vực quy hoạch.

+ Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát chất lượng môi trường.

10. Phân kỳ thực hiện; những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện; các vấn đề về tổ chức thực hiện:

a) Phân kỳ đầu tư:

- Năm thứ nhất:

+ Triển khai công bố quy hoạch

+ Cấm mốc các tuyến giao thông trọng điểm, hành lang an toàn sông rạch.

+ Xác định mốc vị trí các công trình công cộng và công viên cây xanh.

- Năm thứ hai và ba:

+ Huy động nguồn vốn xây dựng các công trình công cộng và cây xanh, ưu tiên mở rộng, cải tạo và xây dựng các công trình về giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao.

+ Huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng các khu phức hợp: nhà ở kết hợp thương mại - dịch vụ.

- Các năm tiếp theo:

+ Triển khai thi công các dự án đã huy động.

b) Danh mục các dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên:

- Cải tạo, nâng cấp, xây mới các công trình phúc lợi công cộng như phòng y tế, nhà văn hóa phường, trường học...

- Trường trung học cơ sở: Xây dựng mới trường trung học cơ sở phường 4 với diện tích 0,87 ha.

- Y tế: xây dựng mới trạm y tế phường 4 với diện tích 0,01 ha.

- Khu hỗn hợp: bố trí thương mại dịch vụ kết hợp ở cao tầng, giải quyết quỹ nhà tái định cư, nhà ở xã hội.

- Nâng cấp và cải tạo toàn bộ các tuyến đường giao thông nội bộ.

- Xây dựng và hoàn thiện các mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung nghiên cứu và các số liệu đánh giá hiện trạng tính toán chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật thể hiện trong thuyết minh chịu trách nhiệm và hồ sơ bản vẽ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường 3 - 4 - 5, quận Phú Nhuận.

- Để đảm bảo cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy mô dân số của đồ án và theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Phú Nhuận; trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện theo quy hoạch, Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cần lưu ý việc kiểm soát và khống chế quy mô dân số trong phạm vi đồ án; theo đó, các dự án phát triển nhà ở cần có giải pháp để ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ.

- Để làm cơ sở quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, quản lý xây dựng và kiểm soát sự phát triển đô thị phù hợp với quy hoạch; sau khi đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường 3 - 4 - 5, quận Phú Nhuận được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cần phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tổ chức lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị tổng thể, phù hợp với nội dung đồ án.

- Đối với nội dung bản đồ đánh giá môi trường chiến lược và Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường 3 - 4 - 5, quận Phú Nhuận sẽ được cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị trình thẩm định và phê duyệt

bổ sung sau khi Sở Tài nguyên và Môi trường có hướng dẫn triển khai Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ, Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ Xây dựng.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cần tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này theo Luật Quy hoạch đô thị và Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công bố công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức thực hiện công tác cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt đã được quy định tại Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị.

Điều 3. Quyết định này đính kèm thuyết minh tổng hợp và các bản vẽ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường 3 - 4 - 5, quận Phú Nhuận được nêu tại khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận Phú Nhuận; Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 3, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 4, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 5 và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND.TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: Các PVP;
- Các Phòng Chuyên viên;
- Lưu: VT, (ĐTMT-N) An. *HL*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ceul
Nguyễn Hữu Tín